TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 5 - 2026.
V/v "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuê.
Ông Lê Hải Tăng.
- Thư ký phiên tòa: Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST-DS ngày 23/4/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh ngày 03/9/1984.
Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, thành phố Hải Phòng; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nghiêm Xuân B, sinh ngày 07/8/1986.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình.
Hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2025 và lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị D là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nghiêm Xuân B kết hôn ngày 15/4/2009 nhưng do mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly hôn theo quyết định công nhân thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 172/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng); trong vụ án này anh B là nguyên đơn, chị là bị đơn. Sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ với nhau và có đăng ký kết hôn lần thứ 2 vào ngày 20/10/2023 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (Nay là UBND xã Đ, thành phố Hải Phòng), vợ chồng chung sống với nhau có cuộc sống

vợ chồng ổn định. Tuy nhiên anh B tiếp tục xuất cảnh lao động tại nước ngoài không quan tâm đến cuộc sống vợ con, bỏ mặc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có bất đồng về nhiều mặt như kinh tế, quan điểm, hướng nuôi dậy con chung, đặc biệt do sống xa nhau không có sự liên lạc thường xuyên nên tình cảm ngày mai một. Nay chị xác định mục đích hôn nhân giữa chị và anh B không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh B. Do điều kiện công việc của chị D, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị D và anh B có hai con chung là cháu Nghiêm Thùy L, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nghiêm Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2013. Hiện nay các con đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nghiêm Xuân B vắng mặt, chị Lê Thị D không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Đài Loan. Tòa án đã yêu cầu bố đẻ của anh B cung cấp địa chỉ của anh B và thông báo cho anh B biết việc chị D xin ly hôn anh B nhưng gia đình không thực hiện được vì không biết địa mà chỉ biết hiện nay B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tại Công văn số 456/XNC ngày 13/02/2026 của phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Ninh Bình cung cấp thông tin: Anh Nghiêm Xuân B, sinh ngày 07/8/1986, nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 15/11/2025 sang Đài Loan (Trung Quốc), qua sân bay Quốc tế N, thành phố Hà Nội, hiện chưa có thông tin nhận cảnh về Việt Nam.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị D với anh Nghiêm Xuân B.Về con chung: Giao cháu Nghiêm Thùy L, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nghiêm Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2013 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh B không phải chấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị D. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nghiêm Xuân B là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 - Ninh Bình. Chị Lê Thị D đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, anh B cố tình vắng mặt giấu địa chỉ. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nghiêm Xuân B kết hôn ngày 15/4/2009 nhưng do mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly hôn theo quyết định công nhân thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 172/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11-Hải Phòng). Sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ với nhau và có đăng ký kết hôn lần thứ 2 vào ngày 20/10/2023 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Đ, thành phố Hải Phòng), trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống và xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 15/11/2025 anh B sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động, vợ chồng sống xa cách, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D được Tòa án chấp nhận phù hợp Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con:

Về con chung: Chị D và anh B có hai con chung là cháu Nghiêm Thùy L, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nghiêm Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2013. Xét thấy anh Nghiêm Xuân B đang lao động ở nước ngoài. Các cháu L, Á đang ở với chị D. Do đó giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh B không phải chấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị D.

Con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lê Thị D với anh Nghiêm Xuân B.

2.Về con chung: Giao cháu Nghiêm Thùy L, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Nghiêm Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2013 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh B không phải chấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị D.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000281 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị D đã nộp đủ

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được niêm yết. Anh Nghiêm Xuân B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Đại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt